

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Coduph

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các Tỉnh/Thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2025
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2025
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên	
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2025
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	từ ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	đến ngày 23 tháng 4 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12210159/69169289-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.226.223.923.911	1.933.714.163.459
110	I. Tiền		30.939.509.692	21.918.032.395
111	1. Tiền	5	30.939.509.692	21.918.032.395
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		300.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.238.248.931.791	1.012.314.639.678
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.192.482.025.839	981.808.523.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	14.239.289.949	18.251.158.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	81.417.310.952	48.007.819.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(49.889.694.949)	(35.752.861.392)
140	IV. Hàng tồn kho	9	944.901.542.903	885.384.170.267
141	1. Hàng tồn kho		945.960.367.278	890.906.558.017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.058.824.375)	(5.522.387.750)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.833.939.525	14.097.321.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		45.993.487	1.090.909.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.620.627.648	13.006.412.018
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	167.318.390	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		187.874.715.665	200.960.076.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	650.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	650.000.000	650.000.000
220	II. Tài sản cố định		151.369.362.935	164.381.212.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	75.575.337.090	85.707.370.414
222	Nguyên giá		185.544.195.499	200.228.562.385
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(109.968.858.409)	(114.521.191.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	75.794.025.845	78.673.842.077
228	Nguyên giá		97.704.403.845	98.336.207.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.910.378.000)	(19.662.365.068)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		540.900.000	315.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	540.900.000	315.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	33.409.457.030	33.856.558.900
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		3.936.972.307	4.384.074.177
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.904.995.700	1.757.305.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.904.995.700	1.757.305.472
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.414.098.639.576	2.134.674.240.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.186.401.045.317	1.917.466.114.237
310	I. Nợ ngắn hạn		2.157.241.113.385	1.888.267.538.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.145.294.886.764	996.223.876.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	26.000.290.269	14.815.414.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	518.739.572	1.924.084.965
314	4. Phải trả người lao động		6.440.080.995	9.109.888.013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.453.501.617	3.596.580.335
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	12.037.681.217	8.980.244.178
320	8. Vay ngắn hạn	19	963.446.289.022	851.919.198.962
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	-	1.648.607.002
330	II. Nợ dài hạn		29.159.931.932	29.198.575.812
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		148.931.932	198.575.812
337	2. Phải trả dài hạn khác		11.000.000	-
338	3. Vay dài hạn	19	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		227.697.594.259	217.208.126.085
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	227.697.594.259	217.208.126.085
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.512.678.465	26.023.210.291
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.403.808.064	11.460.237.841
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		28.108.870.401	14.562.972.450
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.414.098.639.576	2.134.674.240.322

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026


Chu Thị Bích Hồng
Người lập


Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.314.191.360.653	3.215.977.580.908
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(28.915.543.595)	(7.297.762.661)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.285.275.817.058	3.208.679.818.247
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 27	(3.068.371.808.578)	(2.972.775.353.254)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		216.904.008.480	235.904.464.993
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	38.595.503.821	27.093.233.957
22	7. Chi phí tài chính	25	(54.878.797.886)	(58.629.896.889)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(46.653.929.017)	(39.107.005.426)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(447.101.870)	(663.359.212)
25	9. Chi phí bán hàng	24, 27	(119.153.253.425)	(126.149.961.420)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 27	(40.405.704.351)	(49.865.890.101)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.614.654.769	27.688.591.328
31	12. Thu nhập khác	26	772.682.106	840.740.363
32	13. Chi phí khác	26	(547.137.900)	(1.322.156.492)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	225.544.206	(481.416.129)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.840.198.975	27.207.175.199
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(5.447.808.574)	(8.137.437.338)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		35.392.390.401	19.069.737.861

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		35.392.390.401	19.069.737.861
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.5	1.669	705
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.5	1.669	705

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

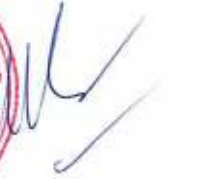
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Chu Thị Bích Hồng
Người lập



Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng

Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.840.198.975	27.207.175.199
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	13.861.006.140	14.529.146.019
03	Dự phòng		22.796.940.941	12.271.760.727
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.679.449.494)	2.966.519.100
05	(Lãi) lỗ thuần từ hoạt động đầu tư		(5.397.376.936)	8.888.288.719
06	Chi phí lãi vay	25	46.653.929.017	39.107.005.426
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		116.075.248.643	104.969.895.190
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(239.499.625.787)	1.367.508.668
10	Tăng hàng tồn kho		(68.177.480.020)	(26.604.858.277)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		154.740.508.310	(132.978.631.639)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		897.225.386	(248.495.360)
14	Tiền lãi vay đã trả		(45.592.408.014)	(39.973.726.309)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(6.648.811.863)	(7.890.011.494)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.770.044.901)	(3.351.392.998)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(90.975.388.246)	(104.709.712.219)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.124.734.714)	(4.579.614.786)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		759.196.968	770.229.674
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng		(300.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.640.230.730	-
27	Lãi tiền gửi		31.651.007	29.805.324
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		5.006.343.991	(3.779.579.788)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	2.984.104.656.129	2.612.693.397.228
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(2.872.577.566.069)	(2.523.499.978.980)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(16.483.228.688)	(9.021.075.311)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		95.043.861.372	80.172.342.937
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.074.817.117	(28.316.949.070)
60	Tiền đầu năm	5	21.918.032.395	50.493.258.886
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(53.339.820)	(258.277.421)
70	Tiền cuối năm	5	30.939.509.692	21.918.032.395

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Chu Thị Bích Hồng
Người lập



Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 369 (31 tháng 12 năm 2024: 403).

Công ty có một công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025 như được trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào ("Codupha-Lào") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 053-04 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Codupha-Lào có trụ sở chính tại số 253, đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào. Hoạt động chính đăng ký đến ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Codupha-Lào là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thoái toàn bộ vốn trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 93,7% phần vốn chủ sở hữu và 93,7% quyền biểu quyết).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và công ty con cho từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá ảnh hưởng của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn	không trích khấu hao.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

Thoái vốn và mất quyền kiểm soát công ty con - Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Công bố thông tin số 667/CDP/2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương đương 93,7% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha – Lào ("Codupha-Lào"). Vào ngày 15 tháng 8 năm 2025, Bộ Công thương Lào đã gửi Thư trả lời về việc xác nhận Công ty đã chính thức chấm dứt khoản đầu tư vào Codupha-Lào. Vào ngày 4 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được Quyết định số 392/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc chấm dứt hiệu lực Giấy phép đầu tư mã số 2166/GP liên quan đến khoản đầu tư này.

Theo đó, Codupha-Lào đã không còn là công ty con của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào tại ngày thoái vốn được trình bày dưới đây.

		<i>VND</i>
	<i>Giá trị ghi sổ tại</i>	<i>ngày thoái vốn</i>
Tài sản		1.746.735.367
Tiền và tương đương tiền		1.099.769.270
Các khoản phải thu		646.966.097
Nợ phải trả		-
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày thoái vốn		1.746.735.367
Phần sở hữu của Tập đoàn trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con		1.636.691.039
Giá chuyển nhượng		6.740.000.000
Lãi thoái vốn công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		5.103.308.961
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc thoái vốn tại công ty con		
Tiền thu về từ thoái vốn công ty con		6.740.000.000
Số dư tiền của công ty con tại ngày thoái vốn		1.099.769.270
Khoản tiền thuần thu vào từ thoái vốn công ty con được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		5.640.230.730

5. TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	123.263.854	350.684.388
Tiền gửi ngân hàng (*)	30.816.245.838	21.567.348.007
TỔNG CỘNG	30.939.509.692	21.918.032.395

(*) Một phần khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị 500.386.090 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	1.192.482.025.839	981.808.523.031
<i>Công ty TNHH Dược phẩm An Vương</i>	165.274.139.100	177.271.677.134
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng</i>	92.080.485.250	102.299.153.275
<i>Khác</i>	935.127.401.489	702.237.692.622
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của khách hàng (<i>Thuyết minh số 8</i>)	<u>(45.758.977.426)</u>	<u>(31.616.948.811)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>1.146.723.048.413</u>	<u>950.191.574.220</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Y.S.P Industries (M) SDN. BHD	3.819.076.807	-
Công ty TNHH Noah Legend	3.361.370.685	-
Egis Pharmaceuticals PLC	2.833.649.424	-
Các công ty khác	4.225.193.033	18.251.158.959
TỔNG CỘNG	<u>14.239.289.949</u>	<u>18.251.158.959</u>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 8</i>)	<u>(216.106.684)</u>	<u>(278.011.205)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>14.023.183.265</u>	<u>17.973.147.754</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	81.417.310.952	48.007.819.080
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	23.099.820.484	16.354.425.552
Phải thu chiết khấu thương mại	12.617.492.308	7.447.377.099
Phải thu hỗ trợ hủy hàng hư hỏng	12.292.638.682	-
Phải thu thanh toán hộ	9.022.339.400	
Phải thu chiết khấu thanh toán sớm	6.953.826.707	5.362.734.749
Phải thu hỗ trợ phân phối và lưu kho	5.859.642.748	5.050.494.134
Kỳ quỹ, kỳ cược	2.395.694.102	2.021.096.333
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	1.659.798.876	5.301.389.853
Lãi phạt trả chậm	1.338.975.324	1.372.947.026
Tạm ứng cho nhân viên	1.200.776.401	3.730.080.545
Khác	4.976.305.920	1.367.273.789
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>78.997.310.952</i>	<i>48.007.819.080</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<i>2.420.000.000</i>	<i>-</i>
Dài hạn	650.000.000	650.000.000
Kỳ quỹ, kỳ cược	650.000.000	650.000.000
TỔNG CỘNG	82.067.310.952	48.657.819.080
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi <i>(Thuyết minh số 8)</i>	<i>(3.914.610.839)</i>	<i>(3.857.901.376)</i>
GIÁ TRỊ THUẬN	78.152.700.113	44.799.917.704

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.650.075.383	(45.758.977.426)	23.891.097.957	(31.616.948.811)	33.803.834.689
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn (*)	19.954.092.956	(19.954.092.956)	-	-	5.278.990.203
Công ty TNHH Asia Medical Food	18.008.018.716	(6.624.312.090)	11.383.706.626	(14.675.102.753)	7.129.532.374
Công ty Cổ phần Gravitas	11.312.827.360	(2.887.432.751)	8.425.394.609	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	(4.086.849.776)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	(2.908.892.308)	-
Các khách hàng khác	13.379.394.267	(9.297.397.545)	4.081.996.722	(9.946.103.974)	21.395.312.112
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.914.610.839)	-	(3.857.901.376)	56.709.463
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát ("An Phát") (**)	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	(2.610.867.617)	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	(816.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	(431.033.759)	56.709.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	216.106.684	(216.106.684)	-	(278.011.205)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	216.106.684	(216.106.684)	-	(278.011.205)	-
TỔNG CỘNG	73.780.792.906	(49.889.694.949)	23.891.097.957	(35.752.861.392)	33.860.544.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.752.861.392	24.961.572.180
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	28.783.140.137	11.595.002.339
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(14.646.306.580)</u>	<u>(803.713.127)</u>
Số cuối năm	<u>49.889.694.949</u>	<u>35.752.861.392</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	884.717.783.151	855.487.896.708
Hàng mua đang đi đường	<u>61.242.584.127</u>	<u>35.418.661.309</u>
TỔNG CỘNG	945.960.367.278	890.906.558.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.058.824.375)</u>	<u>(5.522.387.750)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	944.901.542.903	885.384.170.267

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.522.387.750	4.396.909.917
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	11.439.456.933	7.932.773.105
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	<u>(13.123.670.759)</u>	<u>(354.993.682)</u>
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(2.779.349.549)</u>	<u>(6.452.301.590)</u>
Số cuối năm	<u>1.058.824.375</u>	<u>5.522.387.750</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo trì, sửa chữa	1.716.925.563	1.757.305.472
Khác	<u>188.070.137</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	1.904.995.700	1.757.305.472

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quân lý	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	101.791.619.012	53.875.647.364	40.800.831.453	3.424.768.125	335.696.431	200.228.562.385
Mua mới trong năm	-	297.225.825	601.608.889	-	-	898.834.714
Thanh lý	-	(701.339.100)	(2.323.852.016)	(285.462.914)	-	(3.310.654.030)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)	-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
Số cuối năm	95.966.408.877	49.039.768.369	37.340.905.579	3.139.305.211	57.807.463	185.544.195.499
Trong đó:						
Đã khấu hao lũy kế:	7.439.584.078	13.351.076.532	17.959.918.537	2.480.332.618	57.807.463	41.288.719.228
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	42.952.040.107	40.318.324.749	27.975.639.556	2.939.491.128	335.696.431	114.521.191.971
Khấu hao trong năm	4.348.740.049	4.279.042.378	2.202.610.765	150.796.716	-	10.981.189.908
Thanh lý	-	(651.660.970)	(2.323.852.016)	(285.462.914)	-	(3.260.975.900)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)	-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
Số cuối năm	41.475.570.021	39.513.940.437	26.116.715.558	2.804.824.930	57.807.463	109.968.858.409
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Số cuối năm	54.490.838.856	9.525.827.932	11.224.190.021	334.480.281	-	75.575.337.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	95.550.215.507	2.785.991.638	98.336.207.145
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(467.777.662)</u>	<u>(164.025.638)</u>	<u>(631.803.300)</u>
Số cuối năm	<u>95.082.437.845</u>	<u>2.621.966.000</u>	<u>97.704.403.845</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	-	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	18.066.706.564	1.595.658.504	19.662.365.068
Hao mòn trong năm	2.539.673.028	340.143.204	2.879.816.232
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(467.777.662)</u>	<u>(164.025.638)</u>	<u>(631.803.300)</u>
Số cuối năm	<u>20.138.601.930</u>	<u>1.771.776.070</u>	<u>21.910.378.000</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>77.483.508.943</u>	<u>1.190.333.134</u>	<u>78.673.842.077</u>
Số cuối năm	<u>74.943.835.915</u>	<u>850.189.930</u>	<u>75.794.025.845</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 31.786.299.060 VND, tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, phường Tân An, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ trước đây là 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ) để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	390.900.000	165.000.000
Khác	<u>150.000.000</u>	<u>150.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>540.900.000</u>	<u>315.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	3.936.972.307	4.384.074.177
Đầu tư vào các đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	<u>33.409.457.030</u>	<u>33.856.558.900</u>

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
			<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị còn lại</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị còn lại</i>
			(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	30	<u>3.936.972.307</u>	30	<u>4.384.074.177</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Giá gốc đầu tư:	<i>VND</i>
Số đầu năm và số cuối năm	<i>Số tiền</i>
	<u>3.520.408.664</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	863.665.513
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	<u>(447.101.870)</u>
Số cuối năm	<u>416.563.643</u>
Giá trị ghi sổ:	
Số đầu năm	<u>4.384.074.177</u>
Số cuối năm	<u>3.936.972.307</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3.68	22.983.000.000	3.68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3.82	6.017.000.000	3.82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	0.86	472.484.723	0.86	472.484.723
TỔNG CỘNG				29.472.484.723		29.472.484.723

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị còn lại trên sổ sách của Công ty.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên khác	1.144.229.251.867	994.921.054.894
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	252.765.103.748	228.034.625.325
Novapri Lifescience Private Limited	162.930.176.208	104.218.476.026
Prime Pharmaceuticals Ltd	94.523.915.122	-
Các công ty khác	634.010.056.789	662.667.953.543
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.065.634.897	1.302.821.535
TỔNG CỘNG	1.145.294.886.764	996.223.876.429

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Tôn	5.052.302.300	3.378.237.903	
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Ngọc Mỹ	4.468.351.745	-	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Long An	3.881.800.000	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	3.835.371.185	3.456.503.079	
Công ty TNHH Dược phẩm Tín Đức	3.105.000.000	-	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Shandong Guoxin	3.015.255.081	3.169.267	
Các công ty khác	2.642.209.958	7.977.504.363	
TỔNG CỘNG	26.000.290.269	14.815.414.612	

16. THUẾ

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm		VND
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	-	(182.313.637.901)	181.512.810.858	789.242.755	-	(11.584.288)	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	(5.386.196)	(52.368.135.834)	-	52.540.840.420	167.318.390	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(3.137.587)	(6.461.855.339)	-	6.464.992.926	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.548.860.088)	(5.447.808.574)	-	6.648.811.863	-	(347.856.799)	
Thuế thu nhập cá nhân	-	(366.701.094)	(1.290.754.340)	-	1.498.156.949	-	(159.298.485)	
Các loại thuế khác	-	-	(212.158.733)	-	212.158.733	-	-	
TỔNG CỘNG	-	(1.924.084.965)	(248.094.350.721)	181.512.810.858	68.154.203.646	167.318.390	(518.739.572)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	1.670.000.000	608.478.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	825.961.288	1.621.250.000
Chi phí nhân viên	513.851.349	487.464.000
Khác	443.688.980	879.387.338
TỔNG CỘNG	<u>3.453.501.617</u>	<u>3.596.580.335</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	7.311.946.477	123.735.165
Nhận ký quỹ, ký cược	1.621.541.128	479.001.586
Nhận ủy thác nhập khẩu	1.090.370.147	6.578.410.880
Khác	2.013.823.465	1.799.096.547
TỔNG CỘNG	<u>12.037.681.217</u>	<u>8.980.244.178</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/ Số cuối năm/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND
Vay ngắn hạn	851.919.198.962	851.919.198.962	2.984.104.656.129	(2.872.577.566.069)	963.446.289.022
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	851.322.198.962	851.322.198.962	2.984.104.656.129	(2.872.080.566.069)	963.346.289.022
Vay cá nhân	597.000.000	597.000.000	-	(497.000.000)	100.000.000
Vay dài hạn	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 19.2)	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	880.919.198.962	880.919.198.962	2.984.104.656.129	(2.872.577.566.069)	992.446.289.022

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	(Thuyết minh số 6.1, 9 và 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	449.152.811.079	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2026 đến ngày 25 tháng 6 năm 2026	Từ 5,2 đến 7,3	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	192.150.201.035	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Từ 5,2 đến 7,3	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nói dài, phường Tân An, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ trước đây là 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (Thư tín dụng nội địa - L/C)	99.772.805.227	Ngày 28 tháng 5 năm 2026	5,0	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	172.270.471.681	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	Từ 5,15 đến 7,75	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 300.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Từ ngày 19 tháng 5 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2026	Từ 5,4 đến 6	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 50.000.000.000 VND
TỔNG CỘNG	963.346.289.022			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn bên khác

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 14.2). Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 14.2)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	<u>29.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước	VND
Số đầu năm	1.648.607.002	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.231.482.227	5.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.880.089.229)</u>	<u>(3.351.392.998)</u>	<u>(3.351.392.998)</u>
Số cuối năm	-	<u>1.648.607.002</u>	<u>1.648.607.002</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	19.069.737.861	19.069.737.861
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Khác	-	(213.663.933)	-	8.843.840.445	-	493.234.589	9.123.411.101
Số cuối năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
Năm nay							
Số đầu năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	35.392.390.401	35.392.390.401
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-	(23.671.440.000)	(23.671.440.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.231.482.227)	(1.231.482.227)
Số cuối năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	36.512.678.465	227.697.594.259

(*) Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 16.387.920.000 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã công bố tạm chi trả cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2025/NQ-HĐQT với giá trị là 7.283.520.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	23.671.440.000	9.104.400.000
Cổ tức đã trả	16.483.228.688	9.021.075.311

21.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	121.225.000.000	66,35	121.225.000.000	66,35
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	18,99	34.700.000.000	18,99
Các cổ đông khác	26.775.000.000	14,66	26.775.000.000	14,66
TỔNG CỘNG	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND		
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước (Số đã trình bày kỳ trước)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	35.392.390.401	19.069.737.861	19.069.737.861
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	<u>(5.000.000.000)</u>	<u>(6.231.482.227)</u>	<u>(5.000.000.000)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	30.392.390.401	12.838.255.634	14.069.737.861
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	18.208.800	18.208.800	18.208.800
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.669</u>	<u>705</u>	<u>773</u>
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.669</u>	<u>705</u>	<u>773</u>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 202X theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.314.191.360.653	3.215.977.580.908
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.258.897.097.263	3.175.304.428.785
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	55.294.263.390	40.673.152.123
Các khoản giảm trừ doanh thu	(28.915.543.595)	(7.297.762.661)
Hàng bán bị trả lại	(27.221.115.400)	(5.446.131.851)
Giảm giá hàng bán	(1.694.428.195)	(812.084.413)
Chiết khấu thương mại	-	(1.039.546.397)
DOANH THU THUẦN	<u>3.285.275.817.058</u>	<u>3.208.679.818.247</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.229.981.553.668	3.168.006.666.124
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	55.294.263.390	40.673.152.123

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán được hưởng	17.181.761.063	13.786.794.501
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.879.146.228	9.879.399.083
Lãi thoái vốn công ty con	5.103.308.961	-
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	2.399.636.562	3.397.235.049
Lãi tiền gửi	31.651.007	29.805.324
TỔNG CỘNG	<u>38.595.503.821</u>	<u>27.093.233.957</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	3.054.994.873.375	2.969.418.824.523
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.660.107.384	1.480.471.515
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.716.827.819	1.876.057.216
TỔNG CỘNG	<u>3.068.371.808.578</u>	<u>2.972.775.353.254</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	119.153.253.425	126.149.961.420
Chi phí nhân viên	66.019.896.086	70.064.271.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.572.298.010	18.450.137.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.954.396.640	12.687.712.994
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.633.562.880	2.054.471.333
Chi phí bán hàng khác	17.973.099.809	22.893.368.021
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.405.704.351	49.865.890.101
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	14.136.833.557	10.791.289.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.171.149.654	15.703.340.340
Chi phí nhân viên quản lý	3.600.295.452	3.500.765.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.819.605.213	1.725.427.309
Chi phí dụng cụ quản lý	1.115.502.306	1.534.417.011
Thuế, phí và lệ phí	485.782.411	64.593.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.076.535.758	16.546.058.220
TỔNG CỘNG	<u>159.558.957.776</u>	<u>176.015.851.521</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.653.929.017	39.107.005.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.110.068.869	19.522.891.463
Khác	114.800.000	-
TỔNG CỘNG	<u>54.878.797.886</u>	<u>58.629.896.889</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	772.682.106	840.740.363
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	709.518.838	375.441.681
Khác	63.163.268	465.298.682
Chi phí khác	547.137.900	1.322.156.492
Các khoản phạt	114.876.253	339.644.364
Khác	432.261.647	982.512.128
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>225.544.206</u>	<u>(481.416.129)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	3.054.994.873.375	2.969.418.824.523
Chi phí nhân viên	69.620.191.538	73.565.036.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.425.234.454	36.029.534.747
Chi phí dự phòng	22.796.940.941	12.271.760.727
Chi phí khấu hao và hao mòn	13.774.001.853	14.413.140.303
Chi phí khác	34.319.524.193	43.092.907.594
TỔNG CỘNG	<u>3.227.930.766.354</u>	<u>3.148.791.204.775</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 5% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.447.808.574	6.828.768.156
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.308.669.182
TỔNG CỘNG	<u>5.447.808.574</u>	<u>8.137.437.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.840.198.975	27.207.175.199
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.482.955.712	5.881.273.912
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	586.277.700	1.282.755.559
Khác	204.000.000	436.000.000
	1.692.678.012	4.162.518.353
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Hoàn nhập dự phòng công ty con	(16.084.111.816)	(4.434.379.581)
Lợi nhuận từ thanh lý công ty con	(9.867.396.125)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.103.308.961)	-
Khác	(1.113.406.730)	-
	-	(4.434.379.581)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	27.239.042.871	28.654.069.530
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế 20%	27.239.042.871	34.143.840.777
Lỗ tính thuế	-	(5.489.771.247)
Thuế TNDN hiện hành	5.447.808.574	6.828.768.156
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	166.335.920
Điều chỉnh nộp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2023	-	1.142.333.262
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.447.808.574	8.137.437.338

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách người có liên quan của Công ty được trình bày tại Phụ lục 7 trong Báo cáo tình hình Quản trị số 846/CDP-2025 đã được công bố thông tin đại chúng ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty mẹ Cổ đông lớn Công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết Công ty trong cùng tập đoàn/ Công ty cổ cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần hóa Dược phẩm Mekophar	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 24 tháng 4 năm 2025
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi- Synthelabo Việt Nam Ông Bùi Hữu Hiền	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị Chủ tịch HĐQT

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	Cổ tức công bố	15.759.250.000	6.061.250.000
	Cổ tức đã trả	10.910.250.000	6.061.250.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức công bố	4.511.000.000	1.735.000.000
	Cổ tức đã trả	3.123.000.000	1.735.000.000
	Mua hàng hóa	3.809.520	207.966.171
Ông Bùi Hữu Hiền	Cam kết thanh toán	2.420.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	-	305.174.992

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác			
Ông Bùi Hữu Hiền	Cam kết thanh toán	2.420.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	6.471.014
TỔNG CỘNG		1.065.634.897	1.302.821.535
Phải trả người bán ngắn hạn khác			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	Cổ tức phải trả	4.849.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức phải trả	1.388.000.000	-
TỔNG CỘNG		6.237.000.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Hữu Hiền	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc đến ngày 18 tháng 4 năm 2025	959.250.000	997.000.000
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 1 tháng 10 năm 2025	696.000.000	1.104.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	690.625.000	-
Bà Nguyễn Thị Thủy Hương	Phó Tổng Giám đốc	445.625.000	-
Bà Đinh Thị Khôi	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2025	110.000.000	759.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	75.000.000	100.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	35.000.000	100.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	35.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	35.000.000	100.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	24.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	24.000.000	28.000.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	-	8.000.000
TỔNG CỘNG		3.129.500.000	3.332.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Bên đi thuê

Nhóm Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.215.000.000	7.420.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.116.000.000	14.331.000.000
TỔNG CỘNG	<u>14.331.000.000</u>	<u>21.751.800.000</u>

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (đơn vị)		
<i>Hộp</i>	757.802	1.095.880
<i>Tuýp</i>	124.567	27.877
<i>Ông</i>	93.809	9
<i>Chai</i>	78.613	20.100
<i>Gói</i>	46.410	-
<i>Khác</i>	51.889	29.438
Ngoại tệ :		
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	625	2.501
<i>Euro (EUR)</i>	317	1.041
<i>Kip Lào (LAK)</i>	-	990.664
<i>Bath Thái (THB)</i>	-	62.602

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu đến từ xuất bán hàng hóa nội địa, trong khi doanh thu từ nước ngoài chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 13 tháng 03 năm 2026, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre hoàn tất bán toàn bộ 3.470.000 cổ phiếu, tương đương 19,06% vốn điều lệ tại Công ty. Giao dịch được thực hiện từ ngày 11 tháng 02 năm 2026 đến ngày 09 tháng 03 năm 2026. Sau giao dịch, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre chính thức không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Chu Thị Bích Hồng
Người lập

Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng

Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn